TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05 /2017/DS-ST
Ngày 06/7/2017
"*V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Điểu Smi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2017/TLST - DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 2B (Bon Bu M'Lanh), xã Đăk R' Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Ông Từ Văn S, sinh năm 1957 và bà Tô Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 6, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983 đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H theo giấy ủy quyền ngày 04/4/2017; địa chỉ: Thôn 2B(Bon Bu M'Lanh), xã Đăk R' Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Do chỗ quen biết giữa gia đình anh Nguyễn Văn H với gia đình ông Từ Văn S và bà Tô Thị H; trú tại: Thôn 6, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông nên đến 04/12/2012 gia đình anh H có cho ông ông Từ Văn S và bà Tô Thị H vay số tiền là 500.000.000 đồng với lãi suất là 1%; vợ chồng ông S và bà H đã nhận

đủ số tiền. Hai bên hẹn đến ngày 04/12/2013 thì bà H và ông S trả số tiền là 310.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thế chấp sổ đỏ khác để cầm lại số nợ trên và xin trả số nợ còn lại với lãi suất là 1%. Khi viết giấy mượn số tiền vào ngày 04/12/2012 thì ông S bà H có cầm cố GCN QSD đất mang tên hộ ông Từ Văn S theo thửa đất số 52 a tờ bản đồ số 16 diện tích đất là 1000 m^2 để làm tin giữa hai bên. Nhưng đến thời hạn trả nợ gia đình chúng tôi có sang gặp ông S bà H để yêu cầu trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không trả mà còn tránh mặt chúng tôi. Do đó, anh Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức để yêu cầu ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải trả toàn bộ số tiền cho gia đình anh Nguyễn Văn H là 500.000.000 đồng*(Năm trăm triệu đồng)*.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Từ Văn S và bà Tô Thị H trình bày:

Chúng tôi đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H yêu cầu vợ chồng chúng tôi phải trả cho gia đình anh Nguyễn Văn H với số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Ngày 04/12/2012 chúng tôi cùng gia đình anh Nguyễn Văn H có làm giấy mượn tiền với số tiền là 500.000.000 đồng(*Năm trăm triệu đồng*). Hẹn đến ngày 04/12/2013 chúng tôi phải trả số tiền gốc cho gia đình anh H với số tiền là 310.000.000 đồng *(Ba trăm mười triệu đồng)*. Số tiền còn lại chúng tôi thế chấp GCN QSD đất khác để đảm bảo nghĩa vụ cho bên anh H. Nhưng trong quá trình làm ăn bị thua lỗ nên đến thời điểm theo như cam kết thì chúng tôi không trả được cho anh H số tiền trên. Chúng tôi chỉ thừa nhận trong số tiền 500.000.000 đồng trong đó tiền gốc là 310.000.000 đồng còn lại là tiền lãi. Khi làm thủ tục vay anh H số tiền trên chúng tôi đã thế chấp GCN QSD đất mang tên ông Từ Văn S và hiện anh H vẫn đang nắm giữ. Do gia đình hiện tại rất khó khăn xin anh H cho vợ chồng tôi trả dần mỗi năm là 100.000.000 đồng và xin anh H không tính lãi suất. Trong vòng 05 năm thì vợ chồng tôi trả hết anh H số tiền trên kể từ năm 2017.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H(quá trình giải quyết vụ án có uỷ quyền cho anh H là chồng của chị) trình bày:

Đồng ý với nội dung khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm và buộc vợ chồng ông S và bà H phải trả cho vợ chồng bà số tiền là 500.000.000 đồng đã vay theo giấy mượn tiền ngày 04/12/2012.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng trình bày: Vào ngày 04/02/2012 anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H có cho ông Từ Văn S và bà Tô Thị H vay số tiền là 500.000.000 đồng bà là người làm chứng và viết 02 tờ giấy mượn tiền mỗi bên giữ một tờ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Trả một lần không chấp nhận cho bị đơn trả nhiều lần vì số nợ này đã quá lâu.

Bị đơn ông Từ Văn S và bà Tô Thị H thừa nhận nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) nhưng do điều kiện hiện tại khó khăn nên xin anh H và chị H được trả dần trong năm năm tính từ cuối năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài phiên tòa bị đơn ông Từ Văn S và bà Tô Thị H không cung cấp được chứng cứ nào khác và cũng thừa nhận số nợ là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H buộc vợ chồng ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên, tống đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, đối chất, ban hành quyết định thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn ông Từ Văn S và bà Tô Thị H; địa chỉ: thôn 6, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H yêu cầu ông Từ Văn i và bà Tô Thị H phải trả số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ngày 04/12/2012 hẹn đến ngày 04/12/2013 trả là số tiền là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) và số tiền còn lại thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác và trả dần với lãi suất là 1% trên tháng. Nhưng đến thời điểm trả nợ ông S và bà H không trả như cam kết và còn lánh mặt anh H nên anh Nguyễn Văn H khởi kiện buộc ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải trả số tiền là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* và ông Từ Văn S và bà Tô Thị H cũng thừa nhận nợ 500.00.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* nhưng xin được trả dần vì điều kiện khó khăn. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

3. Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1]Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự giao nộp chứng cứ gốc là giấy mượn tiền ngày 04/12/2012. Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực.

[2]Theo các giấy tờ vay ngày 04/12/2012 thể hiện ông Từ Văn S và bà Tô Thị H vay của anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H với số tiền là 500.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Từ Văn S cho anh H để làm tin. Hẹn đến ngày 04/12/2013 thì ông S và bà H trả 310.00.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác và xin trả dần và lãi suất 1%. Nhưng khi đến hẹn ông S và bà H không trả theo như giấy cam kết ngày 04/12/2012. Trước khi anh H khởi kiện vụ án này ra Tòa án thì anh H có trình bày khi đến hạn có sang gặp ông S và bà H để yêu cầu trả nợ nhưng ông bà cứ khất lần khất lượt.

ông S và bà H cũng thừa nhận lời khai của anh Nguyễn Văn H về việc anh H sang gặp yêu cầu trả nhưng ông bà khó khăn nên có khất anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vợ chồng ông S và bà H cho rằng trong số tiền 500.000.000 đồng theo như giấy mượn tiền ngày 04/12/2012 chỉ có 310.000.000 đồng là tiền gốc còn lại là tiền lãi; ông bà không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho việc trình bày của ông bà. Mặt khác, ông bà thừa nhận là nợ gia đình anh Nguyễn Văn H số tiền là 500.000.000 đồng và xin trả dần cho anh H mỗi năm là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* nhưng gia đình anh H không đồng ý với nội dung này vì khoản nợ trên đã quá lâu, ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu ông bà phải trả ngày số tiền là 500.000.000 đồng. Mặt khác, bà Hồ Thị D là người viết giấy vay tiền và là người trực tiếp chứng kiến việc cho vay trên. Ngoài ra, Toà án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ, tài liệu về số tiền gốc là 310.000.000 đồng. Do vậy, vợ chồng ông S và bà H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được các chứng cứ chứng minh về các ý kiến của mình cho Tòa án. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

[3]Tại phiên tòa ông S và bà H thừa nhận số nợ của anh Nguyễn Văn H là 500.000.000 đồng. Nhưng do gia đình khó khăn xin trả dần mỗi năm là 100.000.000 đồng nhưng gia đình anh H không chấp nhận thể hiện việc ông S và bà H nợ anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H là có thực

[4]Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ thì vợ chồng anh Nguyễn Văn H có đến gặp vợ chồng ông S và bà H để yêu cầu trả nợ số tiền nêu trên nhưng ông S và H vẫn không trả tiền nên anh H mới làm đơn khởi kiện. Như vậy, ông S và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5]Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Từ Văn S theo thửa đất số 52 a tờ bản đồ số 16 diện tích đất là 1000 m^2 mà anh Nguyễn Văn H đang cầm không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên cần trả lại cho ông S.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Buộc ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H số tiền là 500.000.000 đồng(Năm trăm triệu đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng tại phiên tòa ông Từ Văn S và bà Tô Thị H cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận hộ nghèo theo giấy chứng nhận số 753/GCN-HN.HCN ngày 14/6/2017của UBND xã Quảng Tân nơi bị đơn cư trú thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với ông Từ Văn S và bà Tô Thị H

1. Buộc ông Từ Văn S và bà Tô Thị H phải trả số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng)* cho anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị H.

Áp dụng khoảng 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H trả lại cho ông Từ Văn S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thửa đất số 52 a tờ bản đồ số 16 diện tích đất là 1000 m^2.

2. Về án phí: ông Từ Văn S và bà Tô Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 24.000.000 đồng *(Hai mươi tư triệu đồng)*

Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004969 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyệnTuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phạm Văn Quân